

Sòng chỉ mở những đêm đầu kỳ lương. Có anh tham mê cay cú bán lương non hàng tháng để cố gỡ. Gỡ ra chẳng được lại đâm gỡ vào. Có anh bán hết quần áo, chỉ còn chiếc xà lỏn. Đêm đến vo tròn người mà ngủ mặc cho muỗi mòng xâu xé.

Lúc bấy giờ, ở một số xí nghiệp Sài Gòn, bọn chủ tư bản cho lập một thứ mà anh em công nhân gọi là “chuồng nhốt trẻ”. Đó thường là một căn phòng chật hẹp, tối om thiếu không khí, thiếu ánh sáng. Chúng bắt công nhân đem con đến nhốt vào đó rồi vào làm trong xí nghiệp. Trẻ bị đói, đánh nhau loạn bậy, cứt đái bê bết từ đầu đến chân. Nhưng ở Phú Riêng, Công ty Mi-sơ-lanh cũng không cho lập “chuồng nhốt trẻ” vì một lẽ đơn giản: Do điều kiện vệ sinh, y tế, ăn ở quá ư tồi tệ nên trẻ em ở Phú Riêng chỉ có sinh ra mà không sao nuôi được. Suốt ba năm tôi ở Phú Riêng là ba năm không hề được nghe tiếng trẻ bi bô.

Cuộc sống khổ cực quá. Vì thế anh em chúng tôi thường hát câu ca dao nói về cảnh ngộ mình như thế này:

*Lỡ làm vào đất cao su*

*Chẳng tù thì cũng như tù chung thân*

Chắc bọn Tây cũng biết Phú Riêng là một địa ngục trần gian. Ai đến cũng không chịu nổi. Họ sẽ trốn đi hoặc sẽ cưỡng lại chúng, vì vậy ngay địa đầu đồn điền có lập một lính khố xanh do sĩ quan Pháp chỉ huy. Bọn lính tuần đêm tuần ngày. Hễ bắt gặp một công nhân nào ở ngoài địa phận đồn điền là lập tức bắt giải về cho bọn xu-vây-dăng.

Tổ chức như thế, chúng chưa đủ yên dạ. Bọn đế quốc còn âm mưu khơi sâu và gây chia rẽ dân tộc. Vùng rừng Phú Riềng chỉ có đồng bào người Thượng ở. Do sự kìm hãm của phong kiến, đế quốc, đồng bào ở đây trình độ rất lạc hậu, nghèo nàn. Đàn ông quần sơ manh khố, đàn bà thêm được mảnh vải che thân. Hàng ngày họ đeo gùi đi rừng kiếm quả, kiếm củi, ngày mùa thì cuốc xới vài mảnh đất trồng lúa nương. Lúc thường họ mang lao, mang nỏ vào rừng săn con cây, con cáo, đến lúc lúa chín gặt về rồi là xoay ra nghỉ ngơi uống rượu, ca hát chơi bời ở nhà rông. Vì vậy, muối cũng thiếu mà vải cũng thiếu.

Lợi dụng sự thiếu thốn, lạc hậu đó, bọn đế quốc dọa dẫm dụ dỗ bà con theo chúng. Thoạt đầu, chúng đánh vào đầu óc mê tín của bà con bằng cách làm ra lửa nhân tạo. Có gì đâu, chỉ cần dùng péc-măng-ga-nát và gơ-ly-xê-rin rắc vào bông là có lửa ngay. Bà con Thượng lại tưởng chúng có phép nên một số người đâm sợ. Chúng dụ bà con: “Đứa nào bắt được phu trốn đem nộp “ông”, thì “ông” sẽ thưởng muối, thưởng tiền. Nếu thả phu, “ông” sẽ đốt nhà, đốt rẫy. “Ông” có phép, không ai giấu được “ông” cái gì đâu!”.

Đồng bào có một số sợ và bị lừa bịp nên làm theo lời chúng. Trong năm 1927, nhiều công nhân trốn thoát tay bọn “xu” và lính khố xanh đồn Phú Riềng mà không thoát nổi tay một số người Thượng bị lừa bịp.

Nhưng chuyện lừa bịp vẫn là chuyện lừa bịp. Sau này, chúng tôi đã thuyết phục được đồng bào, và một khi đã

hiểu ra, đồng bào còn giúp đỡ công nhân trốn thoát khỏi tay địch. Chúng tôi kết nghĩa anh em với đồng bào, uống rượu ăn thề coi nhau như ruột thịt. Tôi học lỏm được nghề thuốc ở bệnh xá Phú Riêng, thấy đồng bào ốm thì chữa cho; nhiều người khỏi bệnh nên bà con rất tin tưởng, cảm ơn. Dần dần bà con quý mến, có gì cho nấy, nào gà nào trứng. Bà con nghe chúng tôi giảng giải cũng hiểu dần. Chúng tôi nói chuyện đánh Tây, bà con có người chưa hiểu bèn đáp:

- Không đánh được “ông” đâu. “Ông” có phép đấy.

Tôi hỏi phép gì ? Bà con bảo “ông” nói chày là có lửa bốc lên ngay. Tôi bèn dùng đúng mẹo vật cũ của thằng Tây. Bà con thấy thế vừa cười vừa reo:

- Ô, cũng giỏi như “ông” rồi. Trời mà cho thì cũng đánh được “ông” đấy.

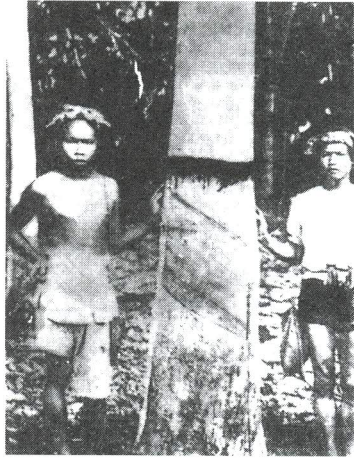
Thế rồi Phú Riêng ngày một mở rộng. Rừng cao su non lấn dần rừng già, lấn cả nương ngô, bãi lúa của đồng bào Thượng, xua mãi họ vào sâu trong ngàn. Vì thế đồng bào càng hiểu lời chúng tôi. Họ than thở với tôi:

- Anh em ta là một nhà thì thương nhau. Còn “ông” thì không phải anh em một nhà. “Ông” ác lắm. Đất của “mọi”<sup>1</sup> “ông” cứ lấy mãi, “mọi” sống thế nào được ?

Từ đó, đồng bào Thượng chẳng những giúp đỡ chúng tôi tận tình mà còn đồng lòng với chúng tôi đánh Tây.

---

<sup>1</sup> Mọi rợ – một từ khinh miệt để chỉ người dân tộc thiểu số.



*Đồn điền sử dụng nhân công trẻ em khai thác mỏ cao su.*

Đến khi kháng chiến bùng nổ, nơi này trở thành một căn cứ du kích đánh Tây. Nhiều thanh niên Thượng vùng Phú Riềng gia nhập bộ đội, lập được công lớn. Ngay bây giờ<sup>1</sup>, Phú Riềng cũng là một căn cứ vững chắc của Quân giải phóng miền Nam Việt Nam.

Thấy rõ nếu nơi nào cũng vận động được bà con người Thượng như ở Phú Riềng thì sẽ có đất đứng tốt nên tháng 1 năm 1929, tôi sang tận Sở cao su Dầu Tiếng giúp anh em bên đó cảm thông giữa công nhân Kinh và đồng bào Thượng. Sau này bên ấy tình hình cũng ổn, đôi

---

<sup>1</sup> Năm 1964.

bên trở nên thân thiết ruột thịt như ở Phú Riêng. Họ cũng giúp đỡ nhau, đồng lòng đánh Tây. Nhưng đó là chuyện tương lai.

Còn lúc bấy giờ Phú Riêng nằm giữa mấy vòng tuần tra, canh gác nghiêm mật. Công nhân thì quá cực đến nỗi có người ra rừng mượn sợi dây treo cổ lên cành cây cho thoát nợ. Có người thì tìm cách trốn - trốn lẻ cá chân, trốn tập thể vài ba người, chục người.

Một lần, tôi được mục kích vụ bảy anh em trốn bị lính bắt được, trói cả xâu dãn về cho chủ. Thằng chủ hạ lệnh cho lính mang giày xăng-đá<sup>1</sup> vào rồi bắt người đi trốn nằm xuống đất cho lính giận giày đinh lên lồng ngực. Đứng ngoài, nghe xương gãy kêu rau rầu. Giận giày xong, chúng còn đánh tiếp một trận gậy nữa rồi bỏ vào nhà tối cùm lại. Trong nhà tối vẫn để một cái cùm chín lỗ. Nó bắt tréo chân anh em, tra vào lỗ cùm. Xong xuôi, chúng thản nhiên đi sáng-chi-ê coi công nhân làm, quên đứt câu chuyện vừa xảy ra. Một tuần sau, nhân có chuyện phạt cùm một công nhân khác, chúng mở cửa nhà tối ra thì bảy người bữa nợ đều đã chết cứng, chân còn tra tréo trong lỗ cùm...

Phú Riêng ngày một mở rộng. Công nhân mới mộ đến ngày càng thêm nhiều. Làng công nhân đã lập đến làng số 9. Đồn điền có ga-ra ô-tô, có máy phát điện, máy lọc

---

<sup>1</sup> Soldat - lính

nước ở từng làng dành riêng cho chủ và xu-vây-dăng Tây. Nhưng hằng tháng có tới ngót trăm người công nhân ghi tên vào sổ khai tử.

Những cây cao su non lấy từ vườn ươm về trồng thành hàng lối, vuông vắn, thẳng tắp. Lá cao su xanh tốt mơn mớn, nom thật đẹp mắt mà cũng thật ghê rợn vì mỗi hàng cao su tính ra bốn ít nhất là xác của một công nhân.

Trong số những anh em sống ở Phú Riềng hồi đó đến nay tôi chỉ biết thêm đồng chí Nguyễn Mạnh Hồng là còn sống sót. Chắc chắn rằng số anh em ta bỏ xác ở Phú Riềng kể đến hàng nghìn để làm phân bón gốc cao su cho bọn tư bản. Chúng tôi thường ngâm ngùi hát câu ca dao này:

*Cao su đi dễ, khó về,  
Trai thì bỏ xác, gái thì ra ma*

Bây giờ nghĩ lại, tôi hiểu sâu sắc rằng càng gặp đọa đày áp bức thì người vô sản nghèo khổ càng gắn bó đồng tâm với nhau. Người vô sản càng bị áp bức, càng có tinh thần đấu tranh. Khổ như thế, bị đọa đày như thế, lúc nào cũng nơm nớp sống nay chết mai nên họ chẳng còn sợ một điều gì. Chỉ cần có người xướng lên là cả trăm cả ngàn người hưởng ứng.

Bọn chủ tư bản là lũ mặt người bụng quỷ, dùng đủ mọi thủ đoạn hòng khuất phục chúng tôi. Còn chúng tôi, những người công nhân cao su Phú Riềng, đã xiết chặt mối đồng tâm, cương quyết chống lại chúng.

## Những trận xô xát đầu tiên (1927 - 1928)

Tính từ ngày đầu đặt chân lên đất Phú Riêng đến nay đã ngót bốn chục năm trường, thế mà bây giờ tôi vẫn còn nhớ như in tâm trạng lúc đó. Bốn bề rừng già hoang vắng, chim kêu vượn hót lạnh lùng, chốn chốn nơi nơi đều là cỏ dại, bụi gai. Từ trên ô tô nhảy xuống, đoàn anh em Hà Nam chỉ còn khoảng một trăm năm mươi người. Rồi Hải Phòng ra đi, chúng tôi đông đúc biết bao. Chính sự đông đúc ấy làm dịu nỗi niềm riêng trong lòng những người xa nhà đi tha phương cầu thực. Giờ đây, sau lần chia năm sẻ bảy, chúng tôi chỉ còn lại một số cùng quê theo nhau tới cái chốn này - một chốn chẳng hứa hẹn điều gì tốt lành.

Cảnh vật Phú Riêng đè trĩu nặng lòng tôi ? Không phải ! Rừng ấy, núi ấy dù hoang vắng vẫn là nước non nhà. Ngay bây giờ nếu đoàn thể điều động tôi về đó, tôi sẽ đi ngay và hoàn thành việc trên giao.

Không ! Cảnh thiên nhiên Phú Riêng tuy làm chúng tôi ngỡ ngàng, nhưng không đè nặng trĩu lòng chúng tôi. Cái làm chúng tôi phải giật mình đề phòng chính là những người ra đón. Máy thẳng sếp xu-vây-dăng, quần áo ka-ki, mắt lờ lờ, soi mói, rình mò từng cử chỉ của anh em chúng tôi. Những ánh mắt tịnh không một chút thiện cảm. Nó độc ác, lạnh lẽo như mặt thú dữ đói hau háu nhìn mồi.

Tôi còn nhớ khi chúng tôi đứng chờ để trình giấy tờ ở

buy-rô<sup>1</sup>, ánh mắt của mấy thằng “xu” lướt qua chúng tôi như lưỡi dao cạo mỏng tang, sắc lẹm. Ngoài ánh mắt ấy là giọng nói, một giọng nói gằn lại, gắt gỏng, thù hằn. Sau nữa, những đôi giày da lộn, đóng đinh đầy đế và những ngọn roi song ngoe nguẩy như rắn ngóc cổ báo hiệu một cách đối xử rất tàn bạo.

Tất cả những cái đó khiến chúng tôi cảm thấy mình đã sa vào chốn địa ngục. Chúng tôi xích lại gần nhau, kín đáo tìm hiểu cảnh và người Phú Riềng. Sự nghi ngại trong lòng chúng tôi cứ lớn mãi lên và dần dần trở thành một lời nguyện “sa vào chốn này thì chỉ có một sống một chết với bọn chúng mà thôi !”.

Bây giờ chỉ còn một con đường: Ngót hai trăm anh em đến nước này phải sát lưng vào nhau, bảo vệ lấy nhau, chống cự cho kỳ thoát khỏi nanh vuốt của chúng. Tôi nghĩ như thế và quyết liều mạng với bọn đao phủ ở Phú Riềng một phen. Cũng chẳng lâu la gì, ngay sáng hôm sau, chúng tôi đã phải đấu nhau với bọn chúng một trận quyết liệt.

Bấy giờ là vào tháng 7 năm 1927. Bọn chủ Công ty Mi-sơ-lanh đang áp dụng chính sách roi vọt trắng trợn. Lúc ấy, thằng chủ nhất tên là Tờ-ri-e<sup>2</sup>. Thằng này là quan ba lính bộ thuộc địa. Cũng cần nói thêm: tất cả bọn chủ

---

<sup>1</sup> Buro - Bàn giấy văn phòng.

<sup>2</sup> Triai.



nhất, chủ nhì cho đến xu-vây-dăng đều được tuyển mộ trong số lính đánh thuê.

Tờ-ri-e cao lớn, khoẻ mạnh, mặt lạnh và dữ như một thằng cai tù. Nó không chửi bao giờ mà chỉ đánh. Chưa bao giờ nó đi đâu mà không mang theo ngọn roi mây to bằng ngón tay cái. Mặc dù là chủ nhất nhưng thằng Tờ-ri-e hay sục sạo ngoài săng-chi-ê. Anh em công nhân thoáng thấy cái bóng cao lờng không với ngọn roi mây vác vai của thằng “Tây Coóc” (chúng tôi gọi Tờ-ri-e là “Tây Coóc” vì nghe đâu nó là người đảo Corse ở Pháp) thì ai nấy đều phải đề phòng. Một tay nó đã đánh chết khá nhiều người.

Mấy thằng xu-vây-dăng sếp dưới của Tờ-ri-e noi gương chủ, ác chẳng kém. Chẳng hạn Va-lăng-tanh<sup>1</sup>, thằng này cũng là nhà binh, dáng cao lớn, lưu manh hóa. Nó đánh rất cục, toàn nhằm chỗ hiểm mà thoi, mà đá. Một thằng nữa tên là Mông-tây<sup>2</sup>, nổi tiếng tàn ác trong số những thằng xu-vây-dăng ở Phú Riềng. Nó đánh từ sáng đến tối gãy nát hàng bó roi.

Ba thầy trò nhà Tờ-ri-e đều gian ác. Duy có thằng chủ nhì lúc bấy giờ là thằng quan hai già, không vợ con. Nó không đánh đập mà chỉ hiếp. Trẻ không tha, già không thương. Người nó cao, tay dài, nom dáng dấp như con

---

<sup>1</sup> Valentin.

<sup>2</sup> Monte.

vượn. Lúc lên con, nó hiếp nữ công nhân cả ở ngoài rừng, ngoài săng-chi-ê.

Bọn chúng hay đánh đòn phủ đầu những người mới đến. Ngay hôm sau khi chúng tôi vừa đến, sáng sớm bọn cai thời còi gọi công nhân ra tập hợp ở bãi trống, điểm danh trước khi đi làm. Anh em ra tới nơi đã thấy bọn xu-vây-dăng chờ sẵn, roi lăm lăm trong tay. Bốn chung quanh bãi, bọn lính da đen súng cầm lê tuốt trần canh gác. Thằng Tờ-ri-e đứng giữa. Nó hô anh em xếp hàng. Một thanh niên đau bụng chưa kịp đứng thẳng hàng đã bị Tờ-ri-e xông đến co chân đá giập lá lách. Người bất hạnh nằm giãy đành đạch dưới chân nó. Thản nhiên như không, nó ra hiệu cho mấy thằng dưới quyền. Va-lăng-tanh, Mông-tây sấn đến rút roi túi bụi. Chúng vừa đánh vừa đếm thật to số công nhân.

Đến lượt tôi, tôi giơ hai tay lên che đầu, cãi lại ngay:  
- Công-tờ-ra cấm đánh đập, sao lại đánh chúng tôi ?

Tôi nghĩ người công nhân vừa bị Tờ-ri-e đá lúc nãy chắc chết mất. Bây giờ mà không nói, nay nó đánh người này chết, mai đến lượt người khác, rồi có thể là mình. Không nói ra, sau này nó cứ đánh mãi. Lúc đó thằng Tờ-ri-e đứng gần đấy. Nghe tôi cãi, nó sưng mặt lại, hơi ngạc nhiên. Cả bầy tay chân của nó cũng ngơ ngác dừng tay. Cảnh nhốn nháo hỗn độn dừng lại một phút. Thằng Tờ-ri-e lừ lừ tiến lại gần tôi, tôi cũng chăm chăm nhìn nó. Tờ-ri-e cười gằn rất đều:

- Công-tờ-ra n...à...o... ? - Giọng nó kéo dài kênh kiệu.

- Công-tờ-ra các ông ký với chúng tôi chứ công-tờ-ra nào. Trong luật có ghi cấm đánh đập, mà bây giờ các ông vẫn đánh. Người ta chết rồi kia kìa !

Tôi chỉ người bị đá nằm trên mặt đất. Tờ-ri-e chẳng buồn ngoái cổ lại. Nó vẫn cười gằn:

- Nếu tao cứ đánh thì chúng mày định làm gì tao ?

Tôi vẫn bướng:

- Các ông cứ đánh thì chúng tôi kiện ra tòa. Các ông làm trái luật !

Tờ-ri-e hằm hằm nhìn tôi. Bất thành linh nó quật một roi lên đầu tôi thật mạnh, miệng hét:

- Donnez la cadeuille<sup>1</sup> !

Lập tức xu Tây, xu ta, tay roi chân giày quây ngay lại đánh tả đánh hữu. Trận mưa đòn lại giáng xuống. Cảnh hỗn độn tăng lên gấp bội. Tôi bị chính thằng Tờ-ri-e và thằng Mông-tây đánh. Thoạt tiên tôi còn đứng, lấy hai tay vòng lên che đầu. Sau nó đập tôi ngã dúi xuống đất. Tôi cuộn tròn người lại, dùng hai chân che bụng, che ngực. Roi của hai thằng vẫn cứ đánh xuống như mưa.

Trong khi đó, anh em phá chạy. Bọn lính da đen đứng ngoài chĩa súng bắn chỉ thiên. Một số lớn anh em phải quay lại, chạy nhốn nháo trong bãi trống, tay đỡ, mình né ngọn roi, cẳng chân của chúng. Còn một số ít,

---

<sup>1</sup>*Dẫn cho nó một trận dùi cui !*

vài ba anh em liều mạng xông bừa qua vòng vây của lính da đen, chạy thẳng ra rừng. Bọn lính cho mấy thằng đi đuổi. Tiếng chúng la hét âm ầm, chẳng khác nào thợ săn đuổi thú. Mấy anh chạy trốn không thuộc đường nên cũng không thoát. Nó tóm được, lôi xềnh xệch về, vừa đi vừa đánh.

Lúc đó tôi đã mê man, chẳng biết chúng còn đánh đến khi nào. Tỉnh dậy đã thấy mình nằm trong nhà tối, chân bị cùm tréo nhau. Khắp người chỗ nào cũng đau như dầm, đưa tay khê lần sờ thấy chỗ nào cũng nhơm nhớp những máu là máu. Thì ra khi tôi ngất đi, thằng Tờ-ri-e sai lính da đen quăng tôi vào đây cùm lại. Nó ra lệnh gác cẩn thận, bỏ đói không cho ăn. Thực ra lúc ấy có ném cơm vào nuốt cũng không trôi. Tôi cứ lúc tỉnh lúc mê, mơ mơ màng màng...

Đêm hôm ấy, một anh công nhân được chúng dùng làm bồi, thương xót tôi, đã lấy trộm chìa khóa, bánh mì và một bát sữa đem đến. Lừa lúc thằng lính da đen ngủ gật, anh lén mở cửa đem vào đồ cho tôi. Việc làm thật nguy hiểm ! Nếu thằng Tây mà biết, số phận anh cũng sẽ lao đao với nó, rồi cũng cùm cũng kẹp, đòn đánh, bỏ đói trong nhà tối... Nếu không phải người cùng cảnh nghèo với nhau làm sao anh có thể thương yêu tôi đến mức liều mạng như vậy. Tối ấy, cho tôi ăn xong rồi anh lẩn ra. Từ tối hôm sau, anh lẩn ra sau nhà tối, tìm chỗ hờ đầu tường, đẩy thức ăn vào. Sợ tôi không biết, anh còn thò que chọc chọc vào người tôi để báo hiệu.

Qua ba ngày, Tờ-ri-e mở cửa nhà tối, bước vào. Nó giạng hai chân đứng nhìn tôi. Hai tay nó khuỳnh chống lên mạng sườn, cái roi song lồng dây đeo vào ngón tay trở, bỏ thòng lòng bên đùi. Nó ngắm tôi một lát rồi cười khẩy:

- Này, còn “làm đầu” nữa hay thôi ?

Tôi lặng thinh không đáp lại nửa lời. Tờ-ri-e gật gà gật gù nhìn những vết thương còn bầm máu của tôi. Nó gọi thằng lính da đen gác nhà tối vào, sai tháo cùm ra. Khi ấy tôi đứng không vững, thằng lính phải xốc nách đưa tôi vào gian bệnh xá ở làng công nhân. Tờ-ri-e cho y tá bôi thuốc vào những vết thương và sai thay quần áo bệnh xá cho tôi rồi quay ra. Trước khi đi, nó còn đe một câu:

- Mà y còn “làm đầu” nữa, tao đánh chết bỏ ngoài rừng, nghe chưa ?

Tôi tím ruột, lặng thinh.

Trong khi tôi bị giam ở nhà tối và đưa lên bệnh xá thì Tờ-ri-e đã xua anh em ra sân-chi-ê làm việc. Sau trận đòn phủ đầu, bọn xu-vây-dăng càng được Tờ-ri-e đốc thúc đánh riết. Chắc nó nghĩ rằng đã lợi thế thì cứ làm tới nữa đi. Bọn Mông-tây, Va-lăng-tanh càng nện dữ. Anh em bị trận phủ đầu đành co lại cố gắng chịu đựng chờ xem sự thể ra sao.

Thế là trận đầu tuy quyết liệt nhưng phần bại về chúng tôi. Nhưng chúng tôi vẫn chẳng chịu khuất. Tôi nhịn nhục đi làm, lòng bực bội và căm thù. Tối tối, mỗi khi ở sân-chi-ê về, cơm nước xong, gặp lúc rỗi, tôi và anh em lại rì rầm bàn tán với nhau: làm sao “chơi” lại bọn



*Cai đồn điền và lính thực dân thường  
tổ chức các cuộc truy lùng phu bỏ trốn.*

Tây một vố, quyết không để cho nó đánh mãi được. Bàn thì bàn thế chứ “chơi” nó cách nào cũng vẫn chưa tìm ra.

Vào dịp này, các đồn điền cao su khác cũng có những vụ xô xát giữa công nhân và cai Tây. Bọn thực dân không thể bưng tai tảng lờ mãi được. Chúng phải ra nghị định tổ chức Nha Thanh tra lao động toàn Đông Dương, ký ngày 19 tháng 7 năm 1927.

Nha Thanh tra cử Đờ-la-ma<sup>1</sup>, một viên chức Pháp, đến tận Phú Riềng xem xét. Y chắc là một tay lọc lõi, đã ở Đông Dương lâu năm nên nói tiếng Việt rất thạo. Lúc đến

---

<sup>1</sup> De Lamarre.

bệnh xá, gặp tôi đang làm cỏ vè<sup>1</sup> gần đấy, Đờ-la-ma bảo tôi dẫn đi. Bệnh xá lúc ấy có tới ba chục người, già nửa bị thương tích về đồn đánh. Anh Trần Văn Chuyên lưng còn đầy vết sẹo gậy bổ vào lổm sủm trong thịt. Một anh khác ở làng số 3 tên là Vũ Viết Thu bị nặng nhất. Anh bị thằng Mông-tây đánh 50 roi cá đuối hôm trước. Cái giống roi cá đuối sần sùi, đánh vào đâu tan nát thịt da đến đấy. Đờ-la-ma bảo tôi lật áo anh Thu cho nó xem. Các vết thương hãy còn chảy nước vàng, mùi tanh xông nhức óc.

Sau đó tiếp tục kiểm tra. Đờ-la-ma nói với chúng tôi có gì cứ tố cáo với nó vì lão quản lý đồn điền An-pha<sup>2</sup> cùng đi không biết tiếng ta. Anh em cũng giữ ý, gọi khéo những chỗ cần xem xét cho Đờ-la-ma.

Tôi kín đáo chỉ gian nhà tối cho y. Đờ-la-ma đòi vào xem. Đây chính là phòng giam, hôm trước, bọn Tờ-ri-e còn cùm anh Vũ Viết Thu. Sáng nay, nghe tin có nhân viên thanh tra đến, Tờ-ri-e mới thả anh Thu về bệnh xá. Trong phòng giam vẫn còn lại cái cùm chín lỗ. An-pha ngượng quá, chẳng biết nói sao. Tôi máy lão Đờ-la-ma chú ý đến gian bên cạnh. Đờ-la-ma lại đòi vào xem, An-pha phải mở cửa; gian này còn người bị giam. Vừa lúc ấy, thằng Tờ-ri-e ở sáng-chi-ê về, cũng vào theo. Đờ-la-ma chỉ người bị cùm cho Tờ-ri-e thấy. Hắn sai mở rộng cửa cho sáng: Đó là một anh công nhân ở làng số 2 bị nhốt

---

<sup>1</sup> *Corvée*: làm vệ sinh, sửa đường quanh các lán trại.

<sup>2</sup> *Alpha*.

ở đây đã một tuần, người anh trần như nhộng, chỉ có mảnh khố tải che hạ bộ. Bị giam lâu và bỏ đói, anh xanh như tàu lá, người gầy gò bần thủ, chân tra tréo trong cùm. Đờ-la-ma bắt vực người bị cùm lên xem xét thì thấy trên lưng hầy còn sáu vết roi cá đuối. Đờ-la-ma cho gọi y tá đến. Thằng y tá tên là Phòng, nhà ở phố Tây Nguyên, Biên Hòa, được mệnh danh là “Y ác”. Phòng nịnh Tờ-ri-e, khai láo rằng người công nhân này mắc chứng điên phải cùm lại cho khỏi phá phách. Nó nịnh trắng trợn đến nỗi lão An-pha phát ngượng phải xí xóa: “Đây không phải bệnh xá, mang nó đi chỗ khác !”, rồi sai mở cùm thả người ra.

Đờ-la-ma kiểm tra suốt một ngày. Nó sục khắp nơi khắp chốn. Nó ra cả săng-chi-ê xa nhất, gặp gì cũng ghi chép. Thật ra muốn kiếm tài liệu thì khó gì, có hàng ngàn chuyện trái luật cần phải ghi lại, ở xó xỉnh nào cũng đầy rẫy.

Tối hôm ấy, bọn chủ đồn điền mời tiệc Đờ-la-ma. Sáng hôm sau, y về Sài Gòn. Bọn tôi cứ chờ mãi xem có gì đổi mới xảy ra hay không nhưng tịnh chẳng thấy chi lạ. Tôi cũng lo Đờ-la-ma báo cho bọn Tờ-ri-e biết là tôi chỉ chỗ cho nó khám, nhưng cũng không thấy Tờ-ri-e tỏ vẻ gì khác thường.

Mãi về sau, tôi mới hiểu mảnh khoé của thằng Đờ-la-ma. Thì ra cái nghề thanh tra lao động cũng là nghề kiếm bẫm. Đến đất nào lúc bấy giờ chẳng kiếm ra hàng ngàn chuyện trái luật. Ghi cho nhiều vào sổ rồi mặc cả với bọn chủ. Bọn



này chẳng sợ gì tội thanh tra lao động. Tuy chính quyền là của chúng nó nhưng im được chuyện thì vẫn tốt hơn. Thành thử thanh tra thì kệ thanh tra, mời tiệc nhau chúng vẫn mời. Đến khi ra về, thăng thanh tra nào cũng được bọn chủ lót tay, tiền đút, quà biếu. Thế là yên.

Đối với những người mách bảo cho những chỗ cần xem xét như tôi, Đờ-la-ma cũng giữ kín không cho chủ biết. Chúng cũng muốn làm ăn lâu dài ở đất này và cũng muốn được anh em nơi khác cung cấp tài liệu để có điều kiện mặc cả với bọn chủ. Nếu nó tố cáo tôi, chuyện ấy đồn đi, nơi khác biết được sẽ đề phòng thì nó không dễ dàng gì mà biết được tình hình, hoặc biết được rất ít. Do đó mặc cả với bọn chủ sẽ rất khó. Đó, cái trò thanh tra của bọn Pháp chó má như thế đấy !

Sang đầu tháng 10 năm ấy, tức là ba tháng sau, lại có chuyển công nhân mới từ Bắc Kỳ vào. Bọn chủ Tây lập thêm làng số 2 cho một trăm hai mươi anh em. Cũng như lần trước, Tờ-ri-e cho đánh phủ đầu một trận ngay bữa sáng đi làm đầu tiên. Thăng xu-vây-dăng đánh ác nhất hôm ấy chính là thăng Mông-tây. Anh em cảm tức lắm không biết tìm cách gì trị cho nó một mẻ.

Trong số anh em mới có Nguyễn Đình Tư. Anh Tư hồi ở Bắc là tay chơi nổi tiếng. Anh nói với mọi người: “Nó là người, mình cũng là người, làm sao cứ để chúng nó đánh mình mãi ? Rình cho kỹ, thịt phăng một thằng là đưa khác mất vía ngay”, “Sát nhất nhân, vạn nhân cụ”. Anh sang làng số 1 hỏi tôi. Lúc bấy giờ tôi cũng cho là phải. Tư liền

về làng số 2 bảo mọi người góp tiền làm lễ ăn thề. Mọi người nghe theo.

Đến kỳ lương anh em góp nhau mỗi người một đồng mua thịt bò, mua rượu, hương, nến. Đến tối một số anh em ở làng số 2 theo anh Tư ra rừng. Họ bày rượu, bày thức ăn, lập bàn thờ ăn thề. Người nào cũng dùng dao cắt đầu ngón tay cho rỏ máu vào chén rượu, rồi thề cùng sống chết với nhau. Thề xong, họ ngả mâm rượu đánh chén say sưa.

Vào lúc này, tôi bị bọn chủ nghi ngờ, chúng bắt tôi lên làm việc dọn dẹp ở bệnh xá. Nhân cơ hội ấy tôi học lỏm chút nghề thuốc và tìm cách cung cấp thuốc men cho anh em. Một buổi sáng, tôi đang phát thuốc ký ninh cho anh em uống phòng sốt rét thì thằng Mông-tây đến. Việc điếm danh bắt đầu. Quen lệ, Mông-tây tay gõ roi song lên đầu từng người, mồm đếm bằng tiếng Pháp. Anh em giả vờ mặc kệ, cứ giơ tay lên che đầu. Thằng Mông-tây đi sâu mãi vào trong hàng. Nó đến gần anh Tư, thỉnh linh anh thét lên: “Anh em ơi! Chém chết nó đi !”. Lưỡi búa nguyệt mài bén trong tay anh Tư vung lên bổ xuống. Mông-tây chỉ kịp né cái đầu. Búa bổ thẳng xuống bả vai. Thằng xu-vây-dăng quay người chạy về boong-ga-lô. Nó đang hăng máu nên chạy rất khỏe. Anh Tư khoa búa đuổi theo, miệng hô lớn: “Ráp vô! Ráp vô !”. Một số anh em khác giơ cước chim, dao rựa đuổi mấy thằng cai chạy tán loạn. Mông-tây không chạy được về tới buồng riêng để lấy súng. Mới tới cầu thang gỗ bên ngoài boong-ga-lô,

nó đã bị tới chín lưỡi búa trúng toàn chỗ phạm. Nhất cuối cùng bửa hẳn một nửa mặt.

Bọn cai Tây, bọn lính da đen hoảng sợ, rầm rập kéo đến xả súng bắn ào ào. Anh em phá chạy cả vào rừng. Chúng sục vào rừng, anh em chui lủi trốn.

Sau khi thằng Tờ-ri-e đến, nó huy động thêm lính vây tứ phía rồi mới càn. Nó bắt về được bốn - năm chục người, còn bao nhiêu đích tay nó giương súng bắn chết. Những người chết bị vùi xác luôn ngoài rừng, cả những người đang ngắc ngoải cũng bị chôn sống. Xác họ sẽ bón cho những cây cao su căng mủ của bọn tư bản.

Cũng có một số anh em chuồn khỏi vòng vây của lính da đen nhưng cuối cùng cũng không thoát. Bọn lính đồng Mọi chặt đầu họ, cắt tai đem về nộp đồn điền lấy thưởng. Một số khác trúng đạn bị thương, lính da đen cầm súng lôi anh em về bỏ ngoài thềm bệnh xá, nhưng Tờ-ri-e không cho băng bó. Mất máu nhiều, số này về sau cũng chết nốt.

Những người bị bắt ở rừng về đều bị giải ra Biên Hòa giao cho Sở Mật thám. Anh em bị chúng tra tấn rất dữ để tìm người cầm đầu. Cuối cùng, chúng dò ra anh Tư. Tòa án Biên Hòa xử anh tử hình và hai án tù chung thân cho hai anh công nhân khác cùng dự mưu với anh Tư. Mấy anh em rất khảng khái. Họ nhận việc họ làm và không đổ vấy cho người khác.

Sau vụ giết thằng Mông-tây, muốn trả thù cho tay sai, chủ nhất Tờ-ri-e cho đàn áp công nhân rất dữ. Va-lăng-

tanh muốn trả thù cho bạn, càng ra sức đánh chúng tôi. Nó đốc bọn cai ta cũng phải theo nó đánh anh em. Ai không làm theo, nó đánh luôn. Chỉ tính riêng thằng này, số người bị nó đánh chết để trả thù lên tới hàng chục mạng. Ai chết, nó cho vùi xác ngay ở vườn su<sup>1</sup> non. Nó bảo: “Cây tha hồ mà xanh tốt”.

Riêng tôi, thằng Tờ-ri-e cũng nghi ngờ. Nó cho gọi tôi lên dọa xem có dính líu gì đến vụ này không. Tôi trả lời: “Không biết. Chỗ tôi ở cách làng số 2 tới ba cây số. Anh em này lại mới ở ngoài Bắc Kỳ vào, không quen thuộc gì tôi”. Bất ngờ Tờ-ri-e chộp lấy tay tôi, xem đầu ngón trỏ nhưng không tìm được dấu cắt tay ăn thề. Không có bằng chứng cụ thể, nó lại phải thả tôi ra.

Qua hai lần thử dùng cách cãi lại, đánh trả đều bị khùng bố dữ, nhất là lần sau nó giết chết khá nhiều người, tinh thần chung của mọi người sụt xuống. Có thể nói đến mức đi lại mà không dám nhìn ngang. Nhưng tình thương yêu, xót xa cho nhau không giảm mà còn tăng lên. Anh em thường đến thăm nom những người ốm nặng, những người bị thương tật. Lâu lâu lại góp tiền cho người ra Biên Hòa biểu những anh em bị phạt giam.

Đến cuối năm lại xảy ra một vụ nữa. Ở làng số 2 có anh Nguyễn Văn Chánh, một cai ta. Tuy làm cai nhưng anh Chánh khá tốt, không hành hạ công nhân. Mỗi khi

---

<sup>1</sup> “Su” (cao su) - cách anh em công nhân dùng cho dễ nói.

ra sãng-chi-ê, anh thường đứng gác cho bọn tôi lăn công. Bọn Tây để ý rình mãi nhưng vẫn không bắt được quả tang.

Vào hồi này chúng chủ trương đánh dần, ra sức đốc thúc các cai ta làm theo chúng. Một buổi sáng, thằng Va-lăng-tanh ra sãng-chi-ê. Nó tử mĩ xem từng hốc cây mới đào có dựng vách thành không ? Đất có vét hết không ? Nó bắt công nhân giơ cuốc lên cho nó xem có giữ sắc bén không ? Đúng là nó cố ý kiểm chuyện rồi !

Quả nhiên, nó gọi anh Chánh lại quát tháo:

- Mày trông phu thế à ! Lỗ đào nham nhở, cuốc xẻng mẻ hết cả. Đây này, mày xem !

Nó giằng lấy lưỡi cuốc từ tay một anh công nhân đứng gần, giơ lên tận mặt Chánh. Lưỡi cuốc chỉ hơi gợn một chút.

Chánh cãi:

- Ông đi tìm suốt cả đồn điền cũng chẳng được cái cuốc nào lành hơn đâu. Người ta giữ thế này là tốt lắm rồi.

Thằng Va-lăng-tanh chửi tục. Chánh cũng nổi cáu mắng giả. Va-lăng-tanh sừng sộ co chân đá phốc ngay vào mạng mỡ Chánh. Bị một đá bất ngờ không kịp tránh, anh đổ ngay xuống đất. Thế rồi anh ngất lịm luôn, da mặt tím ngắt, mắt trợn ngược, miệng sùi bọt. Công nhân bỏ việc, xúm lại. Va-lăng-tanh vẫn ngang ngược quát:

- A ! Mày giả vờ ăn vạ phỏng ? Ông cho mấy cái đá nữa cho biết thân.

Nó đá mấy cái vào người anh Chánh. Anh em uất quá nói:  
- Người ta ngất sùi bọt mép còn đánh nữa. Coi không anh ấy chết rồi chưa biết chừng ?  
- Chết bỏ ! Đồ láo !

Va-lăng-tanh chửi tiếp một câu rồi xách roi về. Anh em xúm nhau lại khiêng Chánh sang bệnh xá. Nhưng cái đá trúng chỗ phạm, giập lá lách. Anh Chánh lăn lộn rên rĩ được một lúc thì chết. Anh chết, bỏ lại một vợ và hai đứa con thơ.

Đêm hôm ấy, tôi đi vận động khắp các lán. Tôi nghĩ nếu cứ để nó đánh mãi, người mình chết mòn hết. Mà làm liều như hai lần trước với nó cũng chẳng ăn thua. Lần này đưa việc ra tòa kiện xem sao. Tôi vận động anh em, mọi người đều đồng ý. Tôi vận động chị vợ anh Chánh. Chị đồng ý đứng tên trong đơn. Thế là tôi viết lá đơn đưa chị Chánh điếm chỉ vào. Sáng sớm hôm sau, chúng tôi phát đơn kiện ra tòa Biên Hòa.

Cái pháp luật thằng Tây cũng thật là lạ ! Thôi thì đủ thứ xét nghiệm, khám tử thi, hỏi nhân chứng, làm lời thoi hàng tuần. Xong đợt đó đến đợt hỏi nguyên đơn, bị cáo kéo dài cả tháng. Tiếp theo là khoảng thời gian khá dài để chuẩn bị bản án rồi mới đưa ra tòa xử. Chắc bọn chủ đồn điền có đủ thì giờ lo lót cho thằng Va-lăng-tanh rồi.

Cuối cùng vụ việc được đem xử ở Biên Hòa. Bọn tôi chuẩn bị nhân chứng kỹ lưỡng. Mọi câu khai đều ăn khớp nhau, đúng là thằng Va-lăng-tanh đá chết người. Đến lượt nó, Va-lăng-tanh cũng nhận là có đá. Nó khai:

- Thành Chánh coi săng-chi-ê không hết bốn phen. Tôi bảo nó không nghe, còn cãi lại. Tôi đá dọa nó có một cái. Ý tôi định đá vào mông nó, chẳng may nó tránh đâm thành trúng mạng mỡ. Tôi cũng không định đá vào đấy.

Sau đó, trạng sư Tây của Công ty Mi-sơ-lanh cãi cho Va-lăng-tanh rất hăng.

Vụ án kéo dài 5 tháng điều tra, ba ngày xử. Cỏ trên mả anh Chánh ở Phú Riêng gặp mùa mưa đã xanh um. Cuối cùng tòa Biên Hòa kết luận: Va-lăng-tanh nhỡ chân đá chết người, tội ngộ sát. Phạt 5 đồng bồi thường cho vợ người xấu số.

Năm đồng một mạng người. Giá thật rẻ mà... cũng quá cao ! Hàng chục người khác chết trước anh Chánh còn chẳng được đến đồng xu nào thì sao !

Nhưng quả thật, vụ việc đưa ra tòa xử công khai mà xử như vậy thì thiên vị quá trắng trợn. Từ đấy bọn tôi có thêm kinh nghiệm cứ phải tự mình coi lấy việc của mình, đừng có tin gì vào tòa án của thực dân đế quốc. Thế là thất bại thêm một lần nữa !

Thấm thoát đã trên nửa năm sống ở Phú Riêng. Quanh các làng số 1, số 2, số 3, từng khoảng rừng lớn đã được phát quang. Đất đỏ au phơi nắng nom như son. Đó đây, những cây su non đem từ vườn ươm tới trồng đã nảy ngọn măng tơ xanh mát. Để có cảnh này, biết bao nhiêu anh em đã vắng mặt ngày hôm nay. Họ chết bờ, chết bụi, xương thịt tan nhuyễn vào làn đất đỏ như son ấy.

Đã nửa năm qua, bọn tôi có thêm kinh nghiệm đấu tranh đối phó với bọn chủ tư bản.

Chẳng biết bắt đầu từ ai, một hình thức đấu tranh mới được đưa ra: Chúng tôi bảo nhau lãn công. Bấy giờ anh em cũng không biết đó là một hình thức đấu tranh và cũng không gọi nó là “lãn công”. Anh em nói: “Việc đêch gì mà làm cố cho chúng nó”. Anh em cắt cử người canh bọn cai Tây và những thằng cai ta. Hễ chúng sểnh mắt là bọn tôi chỉ làm qua loa. Nhát cuộc giờ lên, bỏ xuống nhưng chẳng ai buồn xúc đất lên, đất nằm đâu vẫn yên đó, dao chặt gỗ hàng tiếng đồng hồ vẫn không hạ nổi một cây. Năng suất chung của đồn điền xuống trông thấy. Bọn xu-vây-dăng lồng lộn lên nhưng không sao trông cho xiết. Hễ chúng có mặt chỗ nào, chúng tôi làm đủ việc chỗ đó, nhưng hễ chúng vừa đi khuất, anh em lại bảo nhau chùng tay lại.

Dần dần có thêm kinh nghiệm, bọn tôi còn bảo nhau triệt cây giống. Những cây giống này đem từ vườn ươm tới trồng trong những chiếc rổ nhỏ bằng tre đan rất khéo. Bọn tôi bươi đất trong rổ lên, dùng dao con bấm vào chiếc rế cái độ non nửa rồi lại trồng xuống hố tử tế. Nước ngấm vào rế. Một tuần sau, rế thối nhũn. Cây héo lá dần, có sống cũng kẻo cọt, phải nhổ lên trồng thay cây khác. Để bọn Tây khỏi nghi, chúng tôi cứ vài ba cây mới bấm rế một cây. Quả nhiên, chúng không thể ngờ tới mẹo đó.

Trong lúc ấy, một số anh em không chịu được cảnh sống ở đây, vẫn tiếp tục bỏ trốn; hoặc trốn lẻ tẻ từng



đôi một, hoặc rủ nhau dăm bảy người. Trước khi trốn, mỗi người trữ một ít lương thực, một ống diêm. Đợi đến kỳ trả tiền công xong là trốn. Đường xa, rừng dữ, đã có búa nguyệt, dao dựa mài bén để hộ thân. Chẳng mấy tuần là không có đôi ba vụ. Có đám trốn thoát nhưng cũng có đám không. Bọn lính đồng Mọi hễ đón bắt được công nhân cao su trốn là chặt đầu đem về đồn điền nộp lấy thưởng. Nhưng cũng chỉ vài tháng sau, bọn tôi làm quen với đồng bào các làng xung quanh, ăn thề với họ nên sau này, đồng bào vận động bọn đồng có gặp phu trốn cũng lờ đi.

Hai hình thức “lăn công” và “bỏ trốn” buộc bọn chủ Tây phải thay đổi thái độ đối xử.

Chính vào lúc này, năm 1928, thằng Va-sê<sup>1</sup>, một tên cố đạo phá giới về thay Tờ-ri-e. Va-sê sau khi bỏ nhà tu có đi lính và được đóng lon quan hai. Y vừa to béo vừa lùn. Mắt đeo kính, lừ lừ như mèo ngủ. Thằng Va-sê vừa đặt chân tới đã tuyên bố cấm xu-vây-dăng đánh đập công nhân. Tất nhiên khi vắng mặt nó, bọn xu-vây-dăng vẫn cứ đánh. Va-sê có cấm cũng chỉ là ngoài mồm.

Về đời sống của công nhân, Va-sê cho đóng thứ gạo không hầm. Cá mú cũng đỡ phải ăn loại thối mục. Nó còn bỏ tiền mua quần áo, mũ măng cho anh em lập đội chèo, bỏ tiền mua đầu lân cho múa, rồi nó mua cả nhị, cả trống

---

<sup>1</sup> *Vasser.*



*Giao nộp cao su.*

cho lập phường nhạc cổ. Ai không thích hát chèo đã có đội banh.

Về làm ăn, Va-sê tuyên bố cho làm khoán. Nó nói luôn mồm: “Ai xong sớm là về”. Nhìn qua cung cách ai cũng tưởng thằng này tốt nhưng thật ra nó rất thâm. Nó biết không làm sao trông xiết được anh em lãn công. Nó hiểu không làm sao ngăn nổi được anh em bỏ trốn. Hơn nữa, một vài tờ báo tiến bộ lúc bấy giờ như tờ *Thần Chung* có đăng một số bài đả động đến cảnh sống đọa đày ở Phú Riềng, khiến bọn thực dân cũng phải khôn khéo hơn. Và rồi chúng cũng phải nghĩ đến sự lỗ lãi nữa. Nếu cứ kéo dài tình hình thế này, thiệt hại cho chúng cả bạc nghìn. Thằng Va-sê tưởng giao khoán là đặc sách !

Mức khoán của nó rất cao. Ai đào hốc trồng cây phải làm bốn mươi năm hốc mà một người đào trung bình một ngày chỉ đào được bốn mươi hốc. Ai trồng cây giống

phải làm đủ mười lăm cây một ngày, trong khi một người bình thường trồng chỉ được mười hai cây. Đại loại các mức khoán do Va-sê đưa ra cho các phần việc đều cao lên như thế cả.

Đầu năm 1928, có một sự việc cũng đáng kể ra. Đó là chuyển thanh tra của ông Bùi Bằng Đoàn, đại diện cho Chính phủ Nam triều. Theo pháp luật của bọn Tây và triều đình Khải Định bấy giờ thì người Bắc Kỳ làm lụng ở Nam Kỳ coi như làm ở đất Pháp vì Nam Kỳ là nhượng địa của Pháp. Người Bắc Kỳ làm ở đây vẫn bị triều đình coi như “dân con” của mình và có bốn phận phải chăm nom. Các báo nói quá không thể bưng tai được, triều đình phải cử ông Bùi Bằng Đoàn vào thanh tra. Ông Đoàn là người khảng khái, muốn tìm ra sự thực. Bọn tôi cũng được anh em bồi bếp làm trong nhà boong-ga-lô của chủ nhất cho biết trước vài hôm. Chúng tôi bàn nhau cử người tố cáo. Riêng phần tôi, đã có kinh nghiệm vụ kiện Biên Hòa vừa rồi nên không hy vọng nhiều lắm vào vụ này.

Quả nhiên một hôm, bọn tôi thấy bàn giấy<sup>1</sup> ra lệnh cho nghỉ sớm về dọn dẹp nơi ăn chốn ở. Suốt mấy giờ liền, chúng đốc thúc công nhân làm vệ sinh, kê lại giường phản. Nhà nào dột, chúng phát tôn mới bắt lợp lại. Vách tường quét vôi mới trắng toát. Nom cảnh quan cũng sạch mắt. Sáng hôm sau đến sát giờ đi làm, xu-vây-dăng mới

---

<sup>1</sup> Anh em quen gọi văn phòng của chủ là “bàn giấy”.

rúc còi tập hợp điểm danh. Những thằng cai Tây ác nhất như hai anh em Lơ-bông<sup>1</sup> cũng chỉ đi tay không, roi song cất đầu mất.

Chúng tôi bảo nhau: Chắc thanh tra sắp đến. Đúng như dự đoán, đến khoảng chín giờ, thằng chủ nhất Va-sê ngồi xe hơi đưa ông Bùi Bằng Đoàn vào đồn điền. Ông Bùi chịu khó sục sạo vào cả bệnh xá, vườn ươm. Ông ra tận sáng-chi-ê xem anh em làm lụng. Đâu đâu cũng thấy đời sống có vẻ dễ chịu. Bọn thằng Va-sê rất khôn. Chúng đã chuẩn bị sẵn mấy tên tay chân với danh nghĩa công nhân bám riết ông Bùi. Ông hỏi đâu, chúng trả lời đấy.

Nhưng đến làng số 3, công nhân đã ngấm cữ anh Tý thay mặt anh em tố cáo cảnh sống của đồn điền. Thằng Va-sê đứng nghe cứ lặng như người không biết gì. Anh Tý nói đến việc cúp phạt, đánh đập công nhân xảy ra hàng ngày, Va-sê xòe hai tay rồi nhún vai tỏ vẻ ngạc nhiên. Nó phân trần với mọi người chung quanh: “Nào tôi có biết đâu. Tôi đã ra lệnh cấm đánh đập rồi mà?”. Nó hỏi người đứng kề bên: “Có đúng không? Tôi đã cấm từ hôm mới đến có phải không?”. Nó vừa hỏi vừa cười nhưng cặp mắt ánh lên cái nhìn chế diễu khinh bỉ. Anh Tý đếm số giờ công nhân phải làm trong một ngày: Kể cả thời gian đi ra sáng-chi-ê và về lán, ai nấy phải làm việc từ mười một đến mười ba tiếng đồng hồ. Va-sê chêm một câu: “Thế thì nặng nhọc quá đấy!”. Một số công nhân khác tiếp lời anh Tý

---

<sup>1</sup> *Le Bonne.*

cũng tố cáo thêm về tình hình sần sóc sức khỏe của đồn điền đối với công nhân, tình hình ăn uống bị bớt xén, tình hình tai nạn lao động xảy ra thường xuyên. Va-sê gật gù nghe, thỉnh thoảng lại điểm một câu: “Cái này để rồi tôi sẽ xem” hoặc “Bây giờ tôi mới biết đấy”.

Cuối cùng, y cười nhạt đưa ông Bùi Bằng Đoàn ra xe. Ông Bùi đi rồi, đời sống ở Phú Riêng lập tức trở lại như cũ, thậm chí còn tồi hơn. Máy thẳng xu-vây-dăng Tây càng đánh dữ, chúng lại còn đèo thêm mấy câu chửi: “Mẹ chúng mày, có giỏi cứ tố cáo nữa đi ! Chúng ông dạy cho kỳ biết giữ mồm giữ miệng !”. Thằng nào không chửi công nhân thì lại chửi triều đình: “Mẹ chúng nó, làm đ. gì được ông ! Ông cứ đánh xem làm gì nổi”.

Thế là đúng như tôi và một số anh em dự đoán, việc tố cáo cảnh sống Phú Riêng với thanh tra triều đình đã thất bại thảm hại. Triều đình chỉ là dây tở của Tây. Một ông Bùi khảng khái đến đâu chẳng nữa cũng chẳng làm gì nổi chúng.

Chẳng những không được lợi gì mà hậu quả thật tai hại: Một tuần sau anh Tý đột nhiên mất tích. Qua vài ba ngày thấy chim rừng xao xác một góc, anh em kéo nhau vào tìm thì thấy Tý chết treo cổ trên cành cây, xác đã chường phù, chảy nước. Biết là anh Tý không tự tử mà bị bọn chủ cho tay chân giết, nhưng chúng tôi đành tạm nuốt hờn giận vào bụng, chờ dịp khác.

Thế là mấy lần chống lại chúng đều không xuôi. Cãi lại chúng cũng thua, chém giết được một thằng “xu” ác, nó

đưa mấy thằng khác ác không kém đến, kiện ra tòa cũng bị thất bại, tố cáo với thanh tra Tây, thanh tra ta cũng thất bại nốt.

Tóm lại những lần đấu tranh của chúng tôi, cuối năm 1927 sang đầu năm 1928, đều không đem lại kết quả, trừ biện pháp lãn công, phá hoại ngầm đã buộc địch phải sửa đổi đôi chút thái độ.

Tuy thế, qua những lần đấu tranh, anh em càng hiểu nhau hơn, tình cảm thấm thiết gắn bó hơn, anh em tin cậy, quý mến nhau hơn. Tất cả những điều đó liên kết công nhân Phú Riềng thành một khối chuẩn bị cho những đợt đấu tranh mới thắng lợi, nếu những đợt sau này có được sự lãnh đạo sáng suốt. Nói khác đi, phong trào Phú Riềng chỉ còn thiếu bộ phận đầu não.

Đến tháng 4 năm 1928, bộ phận đầu não của công nhân Phú Riềng bắt đầu hình thành. Tuy là tự phát, cuộc đấu tranh ban đầu của chúng tôi và của công nhân cao su các đồn điền khác như Sa Cam, Sa Cát v.v... đã có tiếng vang lớn ở Nam Kỳ.

### **Đảng đến với Phú Riềng**

Những cuộc đấu tranh của chúng tôi được anh Ngô Gia Tự<sup>1</sup>, một trong những người Cộng sản đầu tiên ở Việt

---

<sup>1</sup> Ngô Gia Tự (1908-1935), Bí thư Xứ uỷ Nam Kỳ lâm thời, năm 1930.

Nam, chú ý đến. Anh Tự vào Nam hoạt động từ năm 1927. Sang năm 1928, anh phái Nguyễn Xuân Cừ (tức Vĩnh), một đồng chí của anh, lên Phú Riêng hoạt động trong phong trào công nhân cao su và xây dựng cơ sở cho Thanh niên Cách mạng đồng chí Hội.

Anh Cừ vốn người Bắc, học sinh Trường Bưởi (bây giờ là Chu Văn An). Tuy xuất thân học sinh, nhưng anh Cừ hiểu muốn làm cách mạng phải đi vào quần chúng công nông, học hỏi họ mới hoàn thành nhiệm vụ. Anh lên Phú Riêng xin làm chân bồi phòng cho thằng xu-vây-dăng Lơ-bông, sếp làng số 3.

Lúc bấy giờ, bọn Tây đang ghét và nghi ngờ tôi, chúng chuyển tôi sang bệnh xá làm chân quét dọn, giặt giũ. Chúng muốn tách tôi ra khỏi số anh em Hà Nam cũ. Từ đấy tôi sống ở bệnh xá. Công việc rất nặng nhọc, phức tạp, nhưng được cái tôi tinh ý. Mới lên làm ở bệnh xá vài tháng, tôi đã biết tiêm bắp, tiêm mạch. Các thứ thuốc thông thường cũng biết sử dụng. Thằng y tá trưởng là thằng Phòng “Y ác”. Người nó thâm thấp, da thiết bì, hay cười khẩy nom rất đều. Phòng đánh bệnh nhân như két. Chị công nhân nào ốm lên nằm bệnh xá cũng bị nó hiếp. Tôi cãi nó nhiều lần, nó đánh tôi, tôi cũng đánh trả. Nổi tiếng bướng bỉnh trong đồn điền xưa nay, đời nào tôi chịu lép với nó.

Anh Cừ nghe được chuyện đó và các cuộc đấu tranh trước có tôi dính líu nên rất quý. Anh tìm tôi làm quen. Anh đưa tôi về gian buồng xếp của anh để tâm tình. Tính anh điềm đạm, mỗi khi giảng giải điều gì, anh cứ chậm

chậm nói dần từng chi tiết một, nói tới đâu tôi hiểu kỹ đến đó.

Anh Cừ làm việc rất thận trọng. Trước khi tuyên truyền ai, anh nghiên cứu, điều tra người ấy kỹ lưỡng. Ít lâu sau, số người được anh tuyên truyền kết nạp vào Thanh niên Cách mạng đồng chí Hội lên tới bốn người, gồm có tôi và ba đồng chí khác là Tạ, Hồng, Hòa. Cách làm việc của anh Cừ sau này ảnh hưởng nhiều đến tôi.

Những điều anh Cừ giảng giải cho chúng tôi rất thiết thực. Nó giải đáp đúng chỗ bế tắc lúc bấy giờ. Nó giúp chúng tôi tìm ra nguyên nhân thất bại của những lần đấu tranh trước, đồng thời vạch ra cho mọi người tin tưởng phương pháp đấu tranh mới. Lần đầu tiên, tôi hiểu vấn đề lý luận cách mạng có quan hệ trọng đại đến phong trào cách mạng như thế nào. Tôi càng thấm thía lời dạy của các vị lãnh tụ bậc thầy của chủ nghĩa Mác: “Không có lý luận cách mạng, không có phong trào cách mạng” và “Lý luận một khi đi sâu vào thực tiễn thì trở thành một sức mạnh vật chất”. Nhưng những nguyên lý đã được đúc kết thành những câu văn cô đọng như thế, mãi về sau này, khi qua “trường đại học” trong nhà tù cách mạng, tôi mới được học hành thấu đáo. Chứ lúc ấy, tôi chỉ biết là nhờ những điều giảng giải của anh Cừ, tôi như người đang trong đêm tối dò dẫm bước trên một con đường gập ghềnh thì bỗng có được một bó đuốc sáng soi đường mình đi.



Anh Cừ truyền cho chúng tôi nhiều kinh nghiệm và phương pháp đấu tranh cụ thể. Anh nói cho chúng tôi hiểu thế nào là một cuộc đấu tranh có tổ chức, phải đề ra những khẩu hiệu yêu sách như thế nào, phải lập ban lãnh đạo ra làm sao, phải tổ chức bảo vệ như thế nào, phải tích trữ lương thực đến đâu, v.v... Nghĩa là nhiều vấn đề chúng tôi mới được nghe lần đầu.

Đồng chí Cừ được chúng tôi quý mến và tin cậy hết mực. Anh đến chưa bao lâu, nhưng công nhân cao su đã tụ vào anh như nam châm hút sắt. Tôi còn nhớ, những đêm sau khi ăn cơm xong, chúng tôi họp nhau lại nghe anh Cừ nói chuyện. Địa điểm là phòng xép của anh. Hôm nào mát mẻ, trăng sáng thì kéo nhau ra sân, ngồi bệt xuống đất. Lúc này bọn chủ nhất, chủ nhì, xu-vây-dăng đang rúc trong các tòa nhà lịch sự sang trọng, hú hí với vợ con. Vì vậy không đứa nào phát hiện được những hoạt động của chúng tôi. Chúng tôi ngồi nghe mê mải. Anh Cừ hết nói chuyện về kinh nghiệm đấu tranh, anh lại kể cho chúng tôi những chuyện về Liên Xô, về đất nước mà những người công nhân lao động như chúng tôi đã hoàn toàn làm chủ, về phong trào đấu tranh của công nhân thế giới...

Lắm bữa rất khuya nhưng không ai trong chúng tôi chịu ra về. Nếu chẳng may có ai ốm yếu không đến nghe anh Cừ được thì rất tiếc. Dần dần như có sức sống tiếp thêm cho anh em chúng tôi. Một niềm tin vào cuộc đấu tranh sắp tới và đời sống mai sau dấy lên trong lòng chúng tôi.

Anh Cừ một mặt tuyên truyền cho công nhân Phú Riềng, một mặt vẫn liên lạc chặt chẽ với anh Ngô Gia Tự, khi ấy đang ở Chợ Lớn. Người nhận nhiệm vụ giao thông lúc đó tên là Tý, một nữ công nhân quê ở làng Chi Lai, huyện An Lão, Kiến An. Chị Tý dáng người nhỏ nhắn thanh tú. Hai mắt của chị vừa tròn vừa to, ánh mắt đen nháy, rất linh hoạt, biểu lộ lòng can đảm quả quyết. Chị làm giao thông mãi cho tới khi cuộc đấu tranh lớn nổ ra đầu năm 1930. Cũng có một đôi lần, anh Cừ giao việc ra Chợ Lớn cho tôi.

Đối với tôi, anh Cừ có thiện cảm riêng. Một phần vì tính tình tôi thẳng thắn trung thực, một phần vì tôi là người đầu tiên được anh bắt rết. Ngoài tình đồng chí chúng tôi còn kết nghĩa anh em với nhau. Sau những buổi trao đổi về chế độ hà khắc của bọn chủ tư bản áp dụng trong đồn điền, chúng tôi càng căm thù chúng. Hai anh em nhờ công nhân trong xưởng cơ khí rèn cho hai lưỡi búa nguyệt bằng thép tốt, có khắc chìm trên má hai chữ “Công lý”. Hai lưỡi búa mài thật bén tặng lẫn nhau, mỗi người giữ một. Điều đó biểu hiện sự ấu trĩ của tôi nhưng cũng biểu lộ chí hướng của chúng tôi.

Anh Cừ đến Phú Riềng thăm thoát đã ngót một năm. Quần chúng quy tụ quanh hai chúng tôi ngày một đông. Lúc bấy giờ trong nước, phong trào công nhân đang sôi sục. Trước tình hình đó, giai cấp công nhân yêu cầu bức thiết phải có một chính đảng của mình, một chính đảng có tổ chức chặt chẽ, có hệ thống lãnh đạo từ trên xuống

dưới, một chính đảng có đường lối lý luận chính xác để lãnh đạo phong trào đi đến thắng lợi.

Vì vậy, trên cơ sở của các tổ chức Thanh niên Cách mạng đồng chí Hội và Tân Việt cách mạng Đảng, ba nhóm Cộng sản (Đông Dương Cộng sản Đảng, An Nam Cộng sản Đảng, Đông Dương Cộng sản liên đoàn) đã kế tiếp nhau ra đời, trước sau vài tháng. Đây là những tổ chức cách mạng của giai cấp công nhân ta mà sau này, vào ngày mồng 3 tháng 2 năm 1930, đồng chí Nguyễn Ái Quốc sẽ hợp nhất thành Đảng Cộng sản Việt Nam, (sau đổi thành Đảng Cộng sản Đông Dương), Đảng tiên phong của giai cấp công nhân và của dân tộc.

Trước khi hợp nhất thành Đảng Cộng sản Đông Dương, các nhóm Cộng sản tích cực hoạt động, gây cơ sở trong quần chúng, tổ chức những chi bộ mới, đẩy mạnh phong trào đấu tranh của công nhân và nhân dân lao động ở khắp nơi, tạo nên một cao trào cách mạng mạnh mẽ chưa từng thấy.

Anh Ngô Gia Tự vốn là một trong số những người của tổ chức Thanh niên đã tích cực tiến hành những bước đầu tiên nhằm xây dựng chính đảng của giai cấp công nhân. Anh Tự đã giao nhiệm vụ cho anh Nguyễn Xuân Cừ lập chi bộ Đông Dương Cộng sản Đảng ở Phú Riềng. Ngay từ đầu năm 1929, anh Cừ đã đưa Điều lệ Đảng cho một số anh em công nhân Phú Riềng nghiên cứu. Trong số này có tôi.

Chi bộ Phú Riềng chính thức thành lập vào một đêm tháng 10 năm 1929<sup>1</sup>. Tất cả có sáu anh em. Chúng tôi đưa nhau ra rừng sau làng số 3 làm lễ tuyên bố. Chúng tôi đốt vài cây nến cho sáng, treo một lá cờ búa liềm lên một góc cây lớn. Lá cờ phủ dọc thân cây. Đêm ấy là một đêm trăng vàng vạc, tiết trời hơi lạnh, vậy mà tôi thấy nóng ran cả người. Anh Cừ vẽ mặt xúc động, thay mặt cấp trên tuyên bố lý do cuộc họp. Ai nấy nắm chặt tay phải, giơ cao khởi đầu để chào cờ. Chào cờ xong, anh Cừ đọc mấy lời thề. Đã lâu ngày nên tôi không còn nhớ cụ thể lời văn, nhưng tinh thần những lời thề tôi vẫn còn nhớ. Nó gồm những điểm sau:

- Thề trung thành với giai cấp, với Đảng đến chết không thôi.

- Thề giữ bí mật của Đảng đến cùng. Nếu bị địch bắt, dù cho chúng có tra tấn đến chết cũng không cung khai.

- Lăn vào quần chúng, thề sát vai nhau cùng đấu tranh.

- Bỏ tất cả mọi thứ tín ngưỡng khác, tin tưởng có một chủ nghĩa Cộng sản.

- Thề chung sức đấu tranh, trước làm cách mạng giải phóng dân tộc, sau làm cách mạng xã hội chủ nghĩa, tiến tới thế giới đại đồng.

Mấy anh em cùng giơ tay lên trời xin thề. Thề xong mọi người bắt tay nhau, gọi nhau là “đồng chí”.

---

<sup>1</sup> Đêm 28-10-1929. Ngày này được chọn làm Ngày truyền thống Công nhân cao su Việt Nam.

Thật khó mà diễn tả được tâm trạng của tôi lúc đó. Thế là giờ đây, tôi đã chính thức ở trong gia đình của những người Cộng sản, những người cách mạng. Những tiếng “đồng chí” lần đầu tiên gọi đến sao mà ấm áp, thân yêu lạ thường. Tôi thấy mình mạnh lên gấp bội. Những khối óc và cánh tay đồng chí từ đây sẽ giúp đỡ, dìu dắt tôi tiến lên. Lòng tôi lâng lâng, nhẹ như chấp cánh, hai mang tai tôi nóng ran và đôi mắt tôi ướt nhoà, nhìn các đồng chí xung quanh không rõ.

Thế là chi bộ Phú Riêng thành lập. Ngoài anh Cừ và tôi, còn bốn đồng chí nữa là Tạ, Hồng, Hòa, Doanh. Anh Cừ làm bí thư, tôi được phân công phụ trách tổ chức thanh niên Xích vệ đội. Đồng chí Tạ phụ trách làng số 2. Anh Tạ người cao lớn, quê ở Hà Nội, tính tình điềm đạm được anh em tin cậy. Đồng chí Hồng, lúc ấy đang làm lái xe trong ga-ra ô-tô, phụ trách Nghiệp đoàn. Hồng rất dũng cảm, nhưng tính tình lại ít nói, thùy mị như con gái. Trong khi tâm tình với anh em, anh thường ước ao làng Thị Cầu, Bắc Ninh, quê hương anh, cũng có chi bộ Đảng. Đồng chí Doanh thì lãnh đạo làng số 3. Khác với Hồng, anh Doanh dáng dấp cao lớn, công tác chắc chắn, tính tình gan dạ, ăn to nói lớn. Còn anh Hòa cũng làm ở ga-ra ô-tô, giúp anh Hồng trong công tác vận động công nhân lái xe và cơ khí.

Những lần chi bộ họp sau thường chọn địa điểm ở phòng xếp của anh Cừ hoặc về kho thuốc bệnh xá nơi tôi làm việc. Công việc lúc đó còn luộm thuộm nhưng rất

thiết thực. Chi bộ chú ý đến nơi ăn, chốn ở của công nhân, chú ý đến sinh hoạt gia đình từng người để giải quyết ngay cho ổn thỏa.

Nhờ công tác giao thông do chị Tý đảm nhiệm tốt nên anh Ngô Gia Tự vẫn thường xuyên liên lạc với chúng tôi. Anh gửi sách báo bí mật vào cho chúng tôi đọc. Báo chí thì có tờ *Thanh niên giải phóng* và tờ *Uy-ma-ni-tê*<sup>1</sup> - cơ quan ngôn luận của Đảng Cộng sản Pháp. Tờ *Uy-ma-ni-tê* in bằng chữ Pháp, tôi biết võ vẽ nên đảm nhiệm việc dịch cho anh em đọc những bài chính về tình hình thế giới, tình hình Pháp, những kinh nghiệm và bài học đấu tranh. Chúng tôi học được ở *Uy-ma-ni-tê* rất nhiều. Những đồng chí Cộng sản Pháp là những người anh em của chúng tôi, các đồng chí cùng chung kẻ thù với chúng tôi - bọn tư sản, thực dân đế quốc Pháp. Báo của các đồng chí đến với chúng tôi thật đúng lúc và thực sự là món ăn tinh thần quý báu, vì lúc ấy đảng viên Phú Riềng lý luận còn kém, kinh nghiệm đấu tranh còn ít.

Chủ trương và đường lối của Đảng ta lúc này phân lớn là do anh Cừ truyền đạt lại. Đối với những nét lớn về đường lối của Đảng mà anh Cừ giải thích, tôi chỉ thắc mắc một điểm: Anh Cừ nói đến vấn đề ruộng đất và dân cày ở nước ta. Anh nhấn mạnh sự cần thiết phải tịch thu, trưng thu cả số ruộng của các đạo giáo. Tôi nghĩ lấy lại xí

---

<sup>1</sup> *Humanité: Báo Nhân Đạo.*

nghiệp hằm mỗ về cho công nhân, lấy lại ruộng đất của bọn địa chủ về cho dân cày là điều đúng đắn. *Nhưng tại sao lại lấy cả đạo điền để chia cho dân ?* Đạo điền là của Chúa Trời. Gạo thóc sinh lời được dùng để chi phí cho việc lễ lạt bên đạo, có liên quan gì đến cách mạng ? Đúng là những điều được nhồi sọ từ những năm trong các trường đạo đã khiến tôi thắc mắc. Tôi có hỏi anh Cừ điều ấy. Anh liền hỏi lại tôi: Trước đây sống trong Chung viện Hoàng Nguyên như thế nào ? Tôi đã trả lời là sống khổ sở. Anh lại hỏi tôi thấy đời sống của dân cày lính canh ruộng nhà chung ra sao ? Tôi đáp lại rằng họ còn khổ sở hơn cả chúng tôi. Anh Cừ điềm đăm cười và giảng giải cho tôi rõ thế nào là địa chủ. Anh nhấn mạnh sự cần thiết phải lấy lại số đạo điền đó chia cho dân cày, tất nhiên có để lại một số ruộng cho nhà thờ nhưng tuyệt nhiên không dùng ruộng đó bóc lột người nghèo.

Cách giải thích cụ thể, rành mạch, đơn giản của anh làm tan đi sự thắc mắc trong lòng tôi. Từ đấy tôi toàn tâm toàn ý tin tưởng, không còn chút vướng víu nào trong trí óc.

... Mới được giác ngộ nên anh em trong chi bộ rất hăng. Các tổ chức bí mật của Đảng như: Nghiệp đoàn, Xích vệ đội... được thành lập. Chi bộ giành giật các tổ chức quần chúng với bọn chủ. Nhiều tổ chức hợp pháp, hội tương tế, cứu tế, các đội thể thao, văn nghệ... được thành lập và do chi bộ nắm. Công việc chạy băng băng.

Nhìn chung mọi cuộc đấu tranh đều có chỉ đạo, nhưng cũng có nhiều hành động quá tả, ngay cả bản thân tôi.

Lúc bấy giờ, ở bệnh xá có thằng y tá Vai-ăng<sup>1</sup>. Thằng này vốn là lính thủy. Nó chẳng biết tí gì về thuốc, ngay đến tiêm cũng không biết làm. Dốt đặc cán mai mà lương lại rất cao. Tính nó cục, hay chửi càn. Trong công việc, nó toàn ngồi chỉ tay năm ngón sai bọn tôi làm. Không vừa ý một chút là nó “xà-lù”, “mẹc”<sup>2</sup> âm ỉ.

Một lần, nó chửi tôi: “Xô-va-giơ!”<sup>3</sup>. Tôi cúi tiết chửi giả. Vai-ăng sừng sộ xông đến. Thế là chuyện xô xát xảy ra. Tôi giơ tay đỡ cái tát của nó, thuận đòn giáng trả một quả tống vào quai hàm. Vai-ăng ngã ngựa, đổ cả giường bệnh xá. Thế là nó chồm dậy, chạy vào văn phòng lấy súng lục. Tôi bỏ chạy. Vai-ăng bắn chỉ thiên mấy phát nhưng không dám đuổi. Mãi đến chiều tối, tôi mới về.

Lúc đó phong trào ở Phú Riêng đã lên cao. Bọn đế quốc đang cố tìm cách làm dịu đi, nên thằng Vai-ăng không dám làm dữ. Nó chỉ cúp bốn đồng lương của tôi và nói vuốt đuôi một câu: “Quan lớn thương, quan lớn tha bỏ tù mày!”. Tôi ừ ào, nghĩ bụng rửa: “Mẹ mày, cứ động đến ông xem!”.

Đại khái những hành động như vậy luôn xảy ra. Anh Cừ phát mệt vì phải uốn nắn cho anh em. Thỉnh thoảng anh vẫn về Sài Gòn báo cáo tình hình với anh Ngô Gia Tự. Có một lần, anh Cừ đưa cả tôi về theo. Tôi được gặp

---

<sup>1</sup> *Vaillant.*

<sup>2</sup> *Tiếng chửi rửa.*

<sup>3</sup> *Sauvage - Đồ dã man!*



anh Tự tại nơi anh ở, trên đường La-gơ-răng-đi-e<sup>1</sup>. Lúc đó là cuối năm 1929, Đông-dương Cộng sản Đảng vẫn tiếp tục đẩy mạnh việc vô sản hóa cán bộ và đảng viên.

Anh Tự làm công nhân khuân vác ở Chợ Lớn vừa để kiếm sống, vừa tạo địa bàn hoạt động. Căn buồng anh ở rất hẹp và chật chội, đồ đạc chỉ có một chiếc giường nát, vài bộ quần áo rách thay đổi. Tuy mới gặp anh ít phút mà đã thấy lòng mình ấm áp lạ lùng. Về bề ngoài của anh không có gì đặc biệt, thậm chí còn hơi xấu. Người thấp lùn, hơi to ngang, mặt anh tròn, mắt nhỏ, nhưng cách nói năng thật giản dị, thân mật vô cùng. Với các đồng chí trẻ như tôi, thái độ hồ hởi của anh Tự làm ai nấy tin yêu ngay. Cách nói chuyện của anh mộc mạc không văn chương nhưng rất thiết thực. Anh nói với tôi:

- Muốn giải phóng cho mình thì phải giải phóng giai cấp trước đã. Vì mình là người của giai cấp.

Hoặc giả anh dặn dò:

- Đấu tranh để giải phóng giai cấp thì phải lăn vào quần chúng vô sản, phải vô sản hóa.

Những lời nói của anh làm cho tôi xúc động. Càng nói chuyện với anh, càng thêm mến anh. Qua lần tiếp xúc với anh, tôi học được ở anh nhiều điều bổ ích. Anh Tự hiểu biết tình hình đấu tranh của công nhân rất cụ thể. Tờ báo bí mật của chúng tôi xuất bản ở Phú Riêng được

---

<sup>1</sup> Lagrandière – có thời gian là đường Gia Long, nay là Lý Tự Trọng.

anh đọc kỹ lưỡng. Đặc biệt anh thích mục đời sống sinh hoạt của công nhân. Ở mục này, chúng tôi đả phá những thói hư tật xấu, như nạn cờ bạc, rượu chè, cướp vợ của nhau... Anh nói:

- Tốt đấy ! Công nhân ta phải từ bỏ những thói hư tật xấu ấy đi. Các anh đã biết vạch đường cho quần chúng theo con đường đạo đức mới. Những thói hư tật xấu ấy là tập tục của bọn tư bản. Mình là giai cấp công nhân cách mạng, làm sao lại để nhiệm những cái không tốt ấy được ?

Cũng như anh Cừ, anh Tự chú ý uốn nắn những lệch lạc của chúng tôi, truyền thụ những bài học đấu tranh cụ thể cho chúng tôi. Anh kể cho chúng tôi nghe những kinh nghiệm vận động quần chúng và công nhân ở Bắc Ninh, Hà Nội, Hải Phòng... Những kinh nghiệm ấy hay vô cùng. Sau này, tôi đã đem ra cùng anh em Phú Riềng đấu tranh với giặc.

Anh Tự còn rút ở Phú Riềng và một vài cơ sở ít đồng chí, huấn luyện rồi tung họ đi các đồn điền vận động công nhân. Công việc của anh rất bận, ngày đi làm mệt nhọc, tối về lại gặp gỡ cơ sở, cán bộ các nơi nghe tình hình, cho ý kiến. Ấy thế mà anh vẫn còn thì giờ thăm hỏi bà con láng giềng và được họ quý mến. Quan điểm quần chúng của anh thật hay, chính điều đó làm cho tôi sửa đổi được nhiều tật xấu và càng yêu kính anh thêm.

Sau này, khi bị đày ra Côn Đảo, tôi được gặp lại anh Tự. Gần nhau lâu càng rõ tính anh, tôi càng tin tưởng quý trọng anh hơn. Ít lâu sau, trong chuyến vượt bể trốn khỏi

Côn Đảo, gặp trời bão, anh bị mất tích. Tôi đau buồn ủ ê hàng tháng trời, thương tiếc anh Ngô Gia Tự - người thầy cách mạng của tôi.

Đến cuối năm 1929, anh Cừ bị đế quốc tình nghi. Thăng Dương Hạc Đỉnh phản bội đã khai ra anh, nhưng vì không có bằng chứng cụ thể nên bọn đế quốc không thể bỏ tù anh. Chúng trục xuất anh về Bắc.

Chi bộ Phú Riêng được bàn giao lại cho tôi làm bí thư. Từ đấy, trách nhiệm nặng nề này do tôi gánh vác. Nhiệm vụ thật vinh quang, nhưng tôi không khỏi lo lắng, dù đã trải qua mấy năm trời rèn luyện trong đấu tranh, nhưng kinh nghiệm chưa có được bao nhiêu.

Tuy thế tôi vẫn vững lòng vững dạ hoạt động vì sự liên lạc giữa tôi với anh Ngô Gia Tự không bị gián đoạn do công tác giao thông khéo léo của chị Tý, người nữ công nhân có cặp mắt tròn to, đen nhánh rất thông minh, gan dạ...

### **Trước giờ bão nổi**

Kể từ khi thăng Va-sê đến, bọn chủ tư bản có điều chỉnh chính sách đàn áp bóc lột, nhưng chỉ về hình thức. Chúng thấy rõ rằng, nếu chỉ dùng đánh đập không thôi, chúng không thể nào buộc công nhân sinh lời cho chúng.

Va-sê sử dụng kết hợp giữa đánh đập cúp phạt tàn khốc với mị dân khéo léo. Nó bỏ tiền mua mũ áo cho đội chèo, mua dụng cụ thể thao, mua nhạc cụ, trống phách.

Chi bộ Đảng chủ trương nắm lấy thời cơ đó tổ chức những hội tương tế, thể thao, văn nghệ để tập hợp quần chúng, tranh thủ quần chúng về mình.

Anh em lập được ba đội chèo ở làng số 9, số 3 và số 2. Cứ lập xong một hội lại yêu cầu Va-sê chi tiền mua mũ áo, trống phách. Phụ trách chung cả đoàn chèo là anh Quý, một hội viên của Nghiệp đoàn ca su bí mật. Quý là một quần chúng tích cực, hăng hái. Anh có dáng vóc thon nhỏ, mặt trái xoan, cho nên trong các tích chèo anh thường sắm vai nữ như *Điêu Thuyền*, *Tây Thi*.

Về các vở chèo, anh em rút ở các truyện cổ *Tam Quốc Chí*, *Đông Chu Liệt Quốc*. Lúc bấy giờ, mỗi hội chèo có tới bảy, tám vở. Nổi tiếng nhất có “*Tam khí Chu Du*”, “*Đào viên kết nghĩa*”, “*Lã Bố hí Điêu Thuyền*”, “*Phạm Lãi - Tây Thi*”<sup>1</sup>. Nói chung đều là các vở tự biên tự diễn, chọn ở các đề tài nặng tính chất trung, hiếu, tiết, nghĩa. Chúng tôi chưa dựng được những vở mới có nội dung cách mạng, nhưng các vở kia cũng kích thích lòng yêu nước của anh em khá nhiều.

Cứ mỗi tối thứ bảy, khi tiếng trống chèo nổi lên là công nhân từ các làng chung quanh kéo đến đông đảo. Chính vào những lúc trước khi diễn chèo, Ban Chấp hành Nghiệp đoàn đã khéo léo thông báo tình hình

---

<sup>1</sup> *Khổng Minh ba lần chọc tức Chu Du; Lưu Bị - Quan Vân Trường - Trương Phi kết nghĩa ở vườn đào; Lã Bố đùa cợt với Điêu Thuyền; Chuyện tình Phạm Lãi - Tây Thi...*